BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BBKK	Diện tích đất thu hồi (m2)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định bổ sung số 512/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 8/4/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 4/7/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 (Đồng)	Phương án điều chỉnh					Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
																												Đất	Vật kiến trúc	Cây cối hoa màu	Chính sách hỗ trợ		Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
																															Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ đất nông nghiệp			
1	Ông Nguyễn Công Bầu vợ là bà Bùi Thị Lừu	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	238, 238a, 238b	*283,2*	*1.565.016.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*24.838.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	26.808.000	0	0	0	*26.808.000*	**51.646.000**	
2	Ông Đặng Văn Việt vợ là bà Tạ Thị Miến	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	254, 254a, 254b	*450,7*	*3.544.858.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	80.774.000	0	0	0	*80.774.000*	**80.774.000**	
3	Ông Nguyễn Văn Giới vợ là bà Hoàng Thị Then	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	257, 257a, 257b	*224,4*	*1.758.105.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	46.145.000	0	0	0	*46.145.000*	**46.145.000**	
4	Ông Đặng Văn Võ vợ là bà Lê Thị Tới	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	256, 256a, 256b, 256c	*324,9*	*2.884.207.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*57.759.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	59.135.000	0	0	0	*59.135.000*	**116.894.000**	
5	Ông Bùi Duy Hiền vợ là bà Nguyễn Thị Liễu	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	302, 302a, 302b	*308,0*	*1.834.671.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	17.872.000	0	6.000.000	0	*23.872.000*	**23.872.000**	
6	Ông Đặng Văn Hiền vợ là bà Trần Thị Thịnh	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	283, 283a, 283b	*175,9*	*0*	*1.589.174.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	231.995.000	0	6.000.000	0	*237.995.000*	**1.827.169.000**	
7	Ông Bùi Quốc Chung vợ là bà Nguyễn Thị Dinh	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	306, 306a, 306b, 306c	*279,0*	*0*	*1.308.807.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*16.740.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*76.619.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	44.679.000	0	6.000.000	0	*50.679.000*	**1.452.845.000**	
8	Ông Bùi Trắc Long vợ là bà Phạm Thị Hời	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	216, 216a, 216b	*94,7*	*0*	*1.043.896.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*16.740.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	98.870.000	0	6.000.000	0	*104.870.000*	**1.165.506.000**	
9	Ông Đào Trọng Khanh vợ là bà Hà Thị Chanh	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	271, 271a, 271b	*107,0*	*0*	*1.551.143.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*16.740.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	121.223.000	0	0	0	*121.223.000*	**1.689.106.000**	
10	Ông Vũ Thanh Tùng vợ là bà Phạm Thị Giăng	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	269, 269a, 269b	*105,8*	*0*	*762.362.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*16.740.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	32.053.000	0	6.000.000	0	*38.053.000*	**817.155.000**	
11	Ông Bùi Duy Hinh vợ là bà Bùi Thị Hương	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	301, 301a, 301b	*147,2*	*0*	*594.484.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	28.595.000	0	0	0	*28.595.000*	**623.079.000**	
12	Ông Trịnh Văn Tùng vợ là bà Đặng Thị Việt Hà	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	223, 223a, 223b	*156,2*	*0*	*0*	*952.848.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	28.171.000	0	0	0	*28.171.000*	**981.019.000**	
13	Bà Bùi Thị Hòa	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	275, 275a, 275b	*200,8*	*0*	*0*	*0*	*1.520.285.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	32.415.000	0	6.000.000	0	*38.415.000*	**1.558.700.000**	
14	Ông Bùi Trắc Thắng vợ là bà Lê Hoài Thương	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	259, 259a, 259b	*93,5*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.341.230.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	60.819.000	0	0	0	*60.819.000*	**1.402.049.000**	
15	Ông Bùi Trắc Canh vợ là bà Nguyễn Thị Vinh	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	255, 255a, 225b	*279,0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.641.891.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	42.972.000	0	6.000.000	0	*48.972.000*	**1.690.863.000**	
16	Ông Đào Trọng Tăng vợ là bà Vũ Thị Nhàn	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	277, 277a, 277b, 277c	*286,4*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*2.582.582.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*114.436.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	19.980.000	0	0	0	*19.980.000*	**2.716.998.000**	
17	Ông Bùi Trắc Điều vợ là bà Nguyễn Thị Hằng	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	207, 207a, 207b	*239,8*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*2.351.400.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	13.124.000	0	0	0	*13.124.000*	**2.364.524.000**	
18	Ông Nguyễn Văn Sao vợ là Bùi Thị Vanh	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	174, 174a, 174b	*234,7*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.501.097.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	83.848.000	0	0	0	*83.848.000*	**1.584.945.000**	
19	Ông Bùi Trắc Trào vợ là bà Đặng Thị Hồng	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	60, 60a, 60b	*308,6*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.608.949.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	44.270.000	0	6.000.000	0	*50.270.000*	**1.659.219.000**	
20	Ông Bùi Trắc Sơn vợ là bà Trần Thị Chắm	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	183, 183a, 183b	*232,2*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*2.193.837.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	100.606.000	0	0	0	*100.606.000*	**2.294.443.000**	
21	Ông Nguyễn Văn Dung vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	144, 144a, 144b	*399,8*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*2.977.666.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	93.017.000	0	0	0	*93.017.000*	**3.070.683.000**	
22	Ông Hà Quang Triều vợ là bà Đỗ Thị Thúy	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	194, 194a, 194b	*215,0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.628.415.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	24.007.000	0	0	0	*24.007.000*	**1.652.422.000**	
23	Ông Bùi Văn Hùng vợ là bà Trần Thị Cháp	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	320, 320a, 320b	*218,7*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.784.558.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	77.852.000	0	6.000.000	0	*83.852.000*	**1.868.410.000**	
24	Ông Đỗ Văn Đỡ vợ là bà Phạm Thị Thúy	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	116, 116a, 116b	*179,1*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.436.228.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	127.997.000	0	6.000.000	0	*133.997.000*	**1.570.225.000**	
25	Ông Bùi Trắc Tuệ	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	338, 338a, 338b	*275,0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*2.322.707.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	93.125.000	0	0	0	*93.125.000*	**2.415.832.000**	
26	Bà Bùi Thị Vượng	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	182, 182a, 182b	*96,8*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.403.606.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	153.436.000	0	0	0	*153.436.000*	**1.557.042.000**	
27	Bà Hoàng Thị Nức - đại diện thừa kế của ông Bùi Trắc Đô (đã chết)	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	384, 384a, 384b	*406,6*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*2.381.416.000*	*0*	*0*	*0*	0	81.735.000	5.392.000	0	0	*87.127.000*	**2.468.543.000**	
28	Ông Nguyễn Văn Tình vợ là Nguyễn Thị Phương	Thôn Vân Phong, đặc khu Cát Hải	372, 372a, 372b	*139,7*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*839.699.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	0	13.417.000	0	0	0	*13.417.000*	**853.116.000**	
	Tổng cộng			**6.462,7**	**11.586.857.000**	**6.849.866.000**	**952.848.000**	**1.520.285.000**	**1.341.230.000**	**0**	**4.224.473.000**	**0**	**66.960.000**	**10.632.949.000**	**82.597.000**	**4.849.201.000**	**0**	**191.055.000**	**1.403.606.000**	**0**	**2.322.707.000**	**839.699.000**	**2.381.416.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.878.940.000**	**5.392.000**	**60.000.000**	**0**	**1.944.332.000**	**39.603.224.000**	

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Nguyễn Công Bầu vợ là bà Bùi Thị Lừu**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 238, 238a, 238b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**416.664.000**	**0**	**0**		**m2**	**283,2**				**0**	**416.664.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.062.121.000**	**0**	**18.838.000**							**26.808.000**	**1.107.767.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
I.	Nhà 1	Móng gạch chỉ, giằng BTCT không gia cố cọc tre, tường xây gạch chỉ 110, mái ngói đỏ sườn gỗ không vì kèo, cao 3,6m: Sxd=5,9*6,5+6,9*3,1												BBKK bổ sung số 238b/BB-BQLDA ngày 15/01/2026
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT, xây chìm dưới nhà vệ sinh: V=2,5*1,8*1,3				VKT.20143	m2	5,85	2.590.106	1,00	100%	15.152.120	15.152.120	
		BBKK bổ sung số 238b/BB-BQLDA ngày 15/01/2026												
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT, xây chìm dưới nhà vệ sinh: V=2,0*1,5*1,5				VKT.20143	m2	4,50	2.590.106	1,00	100%	11.655.477	11.655.477	
III	**Cây cối hoa màu**		**15.911.000**	**0**	**0**							**0**	**15.911.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**70.320.000**	**0**	**6.000.000**							**0**	**76.320.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.565.016.000**	**0**	**24.838.000**							**26.808.000**	**1.616.662.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Đặng Văn Việt vợ là bà Tạ Thị Miến**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 254, 254a, 254b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**620.276.000**	**0**	**0**		**m2**	**450,7**				**0**	**620.276.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**2.852.827.000**	**0**	**0**							**80.774.000**	**2.933.601.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
1	Nhà ở 1 có khu phụ	Móng xây gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 110, mái lợp tôn kim loại lạnh, sườn sắt, cao 3,5m S=7,7*9,5+1,4*3,3+((1,9*3,3)/2*4,0)												BBKK bổ sung số 254b/BB-BQLDA ngày 16/01/2026
	Bể phốt 2 ngăn	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=1,3*2,0*1,2 chìm dưới nhà vệ sinh				VKT.20143	m2	3,12	2.590.106	1,00	100%	8.081.131		
	Bể phốt 2 ngăn	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=1,2*1,8*1,2*2 hố				VKT.20143	m2	5,18	2.590.106	1,00	100%	13.427.110		
4	Nhà 4	Móng xây gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 110, mái lợp tôn kim loại, cao 3,5m S=8,5*7,7												
	Ốp tường	Tấm Aluminium có khung xương sắt S1=(6,6+3,7)*2*3,0-0,7*1,9-				VKT.20077	m2	57,55	515.262	1,00	100%	29.650.752		
		S2=(5,7+4,0)*2*3,0-1,3*2,25*2 cửa-0,75*1,2-0,7*1,9*2 cửa				VKT.20077	m2	48,79	515.262	1,00	100%	25.139.633		
	Bể phốt 2 ngăn	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=1,2*1,2*1,2				VKT.20143	m2	1,73	2.590.106	1,00	100%	4.475.703		
III	**Cây cối hoa màu**		**1.675.000**	**0**	**0**							**0**	**1.675.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**70.080.000**	**0**	**0**							**0**	**70.080.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**3.544.858.000**	**0**	**0**							**80.774.000**	**3.625.632.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Nguyễn Văn Giới vợ là bà Hoàng Thị Then**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 257, 257a, 257b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**324.944.000**	**0**		**m2**	**224,4**				**0**	**324.944.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.379.271.000**	**0**							**46.145.000**	**1.425.416.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Nhà (trên thửa 251 trích lục)	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 110, mái bằng BTCT, cao 3,5m S=5,0*6,5											
	Bể phốt nhà vệ sinh	Xây gạch chỉ, có nắp V=1,2*1,6*1,7*2 bể			VKT.20143	m2	6,53	2.590.106	1,00	100%	16.908.212		BBKK bổ sung số 257b/BB-BQLDA ngày 19/01/2026
	Bể phốt	Xây gạch chỉ,có nắp: V= 1,7*1,4*1,2			VKT.20143	m2	2,86	2.590.106	1,00	100%	7.397.343		
	Nhà kho	Móng papanh, tường papanh mái tôn bằng broximang sườn gỗ, cao 2,0m S=2,1*1,3											
	Hố ga	Chuồng lợn xây gạch chỉ 110, có nắp BT, chìm dưới nhà: V1=1,9*2,4*1,3			VKT.20143	m2	5,93	2.590.106	1,00	100%	15.354.148		
		V2=1,2*1,6*1,1			VKT.20143	m2	2,11	2.590.106	1,00	100%	5.470.304		
		V3=0,7*0,7*0,8 xây gạch chỉ			VKT.20143	m2	0,39	2.590.106	1,00	100%	1.015.322		
III	**Cây cối hoa màu**		**6.890.000**	**0**							**0**	**6.890.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**47.000.000**	**0**							**0**	**47.000.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.758.105.000**	**0**							**46.145.000**	**1.804.250.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Đặng Văn Võ vợ là bà Lê Thị Tới**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 256, 256a, 256b, 256c**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**477.928.000**	**0**	**0**		**m2**	**324,9**				**0**	**477.928.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**2.343.869.000**	**0**	**51.759.000**							**59.135.000**	**2.454.763.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
1	Nhà 1 có khu phụ + gác xép	Móng gạch chỉ có gia cố cọc tre + giằng BTCT, tường xây gạch chỉ 220, mái bằng BTCT, cao 5,5m: S=10,6*4,3 (S móng=9,2*3,9)	347.286.099											
		Trừ khối lượng cọc tre gia cố móng, cọc dài 3,0m, mật độ 25 cọc/m2: L=-10,6*4,3*0,77*25*3	-35.927.512			VKT.30079	m2	2.632,25	13.649	1,00	100%	35.927.512		BBKK bổ sung số 256c/BB-BQLDA ngày 15/01/2026
	Bể phốt	Xây chìm trong nhà vệ sinh bằng gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=2,0*1,6*1,4*2 bể				VKT.20143	m2	8,96	2.590.106	1,00	100%	23.207.350		
III	**Cây cối hoa màu**		**15.410.000**	**0**	**0**							**0**	**15.410.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**47.000.000**	**0**	**6.000.000**							**0**	**53.000.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**2.884.207.000**	**0**	**57.759.000**							**59.135.000**	**3.001.101.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Duy Hiên vợ là bà Nguyễn Thị Liễu**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 302, 302a, 302b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
							Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**														
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**367.248.000**	**0**	**0**	**0**		**m2**	**308,0**				**0**	**367.248.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.339.108.000**	**0**	**0**	**0**							**17.872.000**	**1.339.108.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**														
		BBKK bổ sung số 302b/BB-BQLDA ngày 16/01/2026													
	Bể phốt chìm dưới nhà bếp	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=2,0*2,3*1,5					VKT.20143	m2	6,90	2.590.106	1,00	100%	17.871.731		
III	**Cây cối hoa màu**		**26.715.000**	**0**	**0**	**0**							**0**	**26.715.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**101.600.000**	**0**	**0**	**0**							**6.000.000**	**101.600.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**47.000.000**	**0**	**0**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***	***0***	***0***							***0***	***41.000.000***	
1.2	***Hộ phụ:***		***6.000.000***	***0***	***0***	***0***							***6.000.000***	***6.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là bà Bùi Thị Thu con gái Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Ngọc Khánh (con gái và cháu ngoại ông Hiên, bà Liễu)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)													
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)													
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)	6.000.000										0		
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là Bùi Thị Thanh và con gái Trần Thiên An (con gái và cháu ngoại ông Hiên, bà Liễu)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)													Thông báo xét duyệt TĐC số 340/TB-UBND ngày 20/10/2025
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)													
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)						Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.834.671.000**	**0**	**0**	**0**							**23.872.000**	**1.834.671.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**														

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Đặng Văn Hiền vợ là bà Trần Thị Thịnh**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 283, 283a, 283b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 507/QĐUBND ngày 04/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**258.749.000**	**0**	**0**		**m2**	**175,9**				**0**	**258.749.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.289.425.000**	**0**	**0**							**225.995.000**	**1.515.420.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
	Nhà 2	Móng xây gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 220, mái tôn KL sườn sắt cao 3,5m: S=(2,8+3,4)/2*10,7												
	Hố ga thoát sàn	Xây gạch chỉ 110, có nắp: V=0,4*0,4*0,3				VKT.20143	m3	0,05	2.590.106	1,00	100%	124.325		BBKK bổ sung số 283b/BB-BQLDA ngày 13/3/2026
	Nhà vệ sinh													
	Hố ga thoát sàn	Xây gạch chỉ 110,nắp BTCT: V=0,4*0,4*0,4				VKT.20143	m3	0,06	2.590.106	1,00	100%	165.767		
	Hố ga	Dưới nhà vệ sinh: xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=2,0*1,5*1,5				VKT.20143	m3	4,50	2.590.106	1,00	100%	11.655.477		
	Bể nước	Xây gạch chỉ 220, nắp BTCT, chìm dưới nhà: V=2,7*9,8*2,2				VKT.20147	m3	58,21	2.776.061	1,00	100%	161.600.063		
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=3,0*1,5*1,5*3 hố chìm dưới nhà tắm + nhà vệ sinh				VKT.20143	m3	20,25	2.590.106	1,00	100%	52.449.647		
III	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**41.000.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***	***0***							***0***	***41.000.000***	
1.2	***Hộ phụ:***		***0***	***0***	***0***							***6.000.000***	***6.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là ông Đặng Văn Hiếu và con trai Đặng Nguyễn Trường Sơn (con trai và cháu nội ông Hiền bà Thịnh)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)												Thông báo xét duyệt TĐC số 611/TB-UBND ngày 10/12/2025
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)												
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)					Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
		Tổng cộng = (I+II+III)	**1.589.174.000**	**0**	**0**							**231.995.000**	**1.821.169.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Quốc Chung vợ là bà Nguyễn Thị Dinh**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 306, 306a, 306b, 306c**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định bổ sung số 512/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
							Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**														
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**154.308.000**	**0**	**0**	**0**		**m2**	**279,0**				**0**	**154.308.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.095.647.000**	**0**	**76.619.000**	**0**							**44.679.000**	**1.216.945.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**														
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT xây chìm dưới nhà vệ sinh: V=2,0*2,8*1,6					VKT.20143	m3	8,96	2.590.106	1,00	100%	23.207.350		BBKK bổ sung số 306c/BB-BQLDA ngày 11/5/2026
	Hố ga	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT, xây chìm dưới nhà bếp V=(1,7*1,4*1,4)*2					VKT.20143	m3	6,66	2.590.106	1,00	100%	17.260.466		
		BBKK bổ sung số 306c/BB-BQLDA ngày 11/5/2026													
		Sân trước nhà S=6,0*1,5						m2	9,00						
		BT gạch vỡ dày 0,1					VKT.20019	m3	0,90	935.063	1,00	100%	841.557		
		BT đá 1x2 dày 0,1					VKT.20020	m3	0,90	1.477.069	1,00	100%	1.329.362		
		Mặt lát gạch HL 40x40					VKT.20058	m2	9,00	226.736	1,00	100%	2.040.624		
III	**Cây cối hoa màu**		**4.760.000**	**0**	**0**	**0**							**0**	**4.760.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**54.092.000**	**16.740.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**76.832.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**41.000.000**	**0**	**0**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***	***0***	***0***							***0***	***41.000.000***	
1.2	***Hộ phụ:***		***0***	***0***	***0***	***0***							***6.000.000***	***6.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là Ông Bùi Trường Phúc vợ là bà Phạm Thương Thương (con trai con dâu ông Chung bà Dinh)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)													Thông báo xét duyệt TĐC số 765/TB-UBND ngày 12/6/2024
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)													
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)						Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.308.807.000**	**16.740.000**	**76.619.000**	**0**							**50.679.000**	**1.452.845.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**														

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Trắc Long vợ là bà Phạm Thị Hời**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 216, 216a, 216b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định bổ sung số 512/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**143.275.000**	**0**	**0**		**m2**	**94,7**				**0**	**143.275.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**833.356.000**	**0**	**0**							**98.870.000**	**932.226.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
1	Nhà ở chính	Móng gạch chỉ, giằng BTCT, tường gạch chỉ 220, mái ngói đỏ sườn gỗ cao 4,5m, không khu phụ S=7,2*6,5												
	Bể phốt dưới nền nhà vệ sinh	Xây gạch chỉ 110 V=1,8*1,0*1,2				VKT.20143	m3	2,16	2.590.106	1,00	100%	5.594.629		BBKK bổ sung số 216b/BB-BQLDA ngày 16/01/2026
	Bể trong lòng nhà	Xây gạch chỉ 220 nắp BTCT: V=6,0*2,8*2,0				VKT.20147	m3	33,60	2.776.061	1,00	100%	93.275.650		
III	**Cây cối hoa màu**		**2.140.000**	**0**	**0**							**0**	**2.140.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**65.125.000**	**16.740.000**	**0**							**6.000.000**	**87.865.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**41.000.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***	***0***							***0***	***41.000.000***	
1.2	***Hộ phụ:***		***0***	***0***	***0***							***6.000.000***	***6.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là ông Bùi Trường Anh vợ là Trần Thị Huê (con trai con dâu ông Long bà Hời)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)												Thông báo xét duyệt TĐC số 765/TB-UBND ngày 12/6/2024
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)												
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)					Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.043.896.000**	**16.740.000**	**0**							**104.870.000**	**1.165.506.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Đào Trọng Khanh vợ là bà Hà Thị Chanh**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 271, 271a, 271b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**157.691.000**	**0**		**m2**	**107,0**				**0**	**157.691.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.335.083.000**	**0**							**121.223.000**	**1.456.306.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V1=2,0*1,5*1,5 chìm dưới nhà vệ sinh			VKT.20143	m2	4,50	2.590.106	1,00	100%	11.655.477	11.655.477	BBKK bổ sung số 271b/BB-BQLDA ngày 15/01/2026
		BBKK bổ sung số 271b/BB-BQLDA ngày 15/01/2026											
	Giếng đào	Cuốn gạch chỉ: sâu 4,5m			VKT.20158	m2	4,50	3.090.876	1,00	100%	13.908.942	13.908.942	
		Hệ thống vì kèo gỗ lim: xà dọc V=0,15*0,1*7,1*7 thanh			VKT.30045	m2	0,75	55.534.943	1,00	100%	41.401.300	41.401.300	
		Xà ngang: V=0,25*0,2*4,0*2 thanh			VKT.30045	m2	0,40	55.534.943	1,00	100%	22.213.977	22.213.977	
		Cột trốn: V=0,2*0,2*1,2*4 cột			VKT.30045	m2	0,19	55.534.943	1,00	100%	10.662.709	10.662.709	
		Câu đầu: V=0,2*0,2*2,0*2 thanh			VKT.30045	m2	0,16	55.534.943	1,00	100%	8.885.591	8.885.591	
		Vì kèo: V=0,15*0,15*2,5*4 thanh			VKT.30045	m2	0,23	55.534.943	1,00	100%	12.495.362	12.495.362	
III	**Cây cối hoa màu**		**1.660.000**	**0**							**0**	**1.660.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**56.709.000**	**16.740.000**							**0**	**73.449.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.551.143.000**	**16.740.000**							**121.223.000**	**1.689.106.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Vũ Thanh Tùng vợ là bà Phạm Thị Gắng**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 269, 269a, 269b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**155.632.000**	**0**	**0**		**m2**	**105,8**				**0**	**155.632.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**541.044.000**	**0**	**0**							**32.053.000**	**573.097.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
		Bể phốt dưới chuồng gà xây gạch chỉ 110 có nắp BTCT: V=2,5*1,5*1,5				VKT.20143	m2	5,63	2.590.106	1,00	100%	14.569.346		BBKK bổ sung số 269b/BB-BQLDA ngày 15/01/2026
		BBKK bổ sung số 269b/BB-BQLDA ngày 15/01/2026												
	Bể phốt	Chìm dưới nhà vệ sinh nhà tắm + nhà bếp xây gạch chỉ 110 nắp BTCT: V=2,5*1,8*1,5				VKT.20143	m2	6,75	2.590.106	1,00	100%	17.483.216		
III	**Cây cối hoa màu**		**6.918.000**	**0**	**0**							**0**	**6.918.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**58.768.000**	**16.740.000**	**0**							**6.000.000**	**81.508.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**47.000.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**53.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***	***0***							***0***	***41.000.000***	
1.2	***Hộ phụ:***		***6.000.000***	***0***	***0***							***6.000.000***	***12.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là ông Vũ Hoàng Lâm vợ là Nguyễn Thị thanh Dung (con trai và con dâu ông Tùng, bà Gắng)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)												
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)												
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)	6.000.000									0		
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là Bà Vũ Thị Vân Anh và con trai Nguyễn Vũ Minh Nhật (con gái và	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)												Thông báo xét duyệt TĐC số 302/TB-UBND ngày
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)												

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
	Nhật (con gái và cháu ngoại ông Tùng, bà Gắng)	Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)					Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		28/4/2025
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**762.362.000**	**16.740.000**	**0**							**38.053.000**	**817.155.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Duy Hinh vợ là bà Bùi Thị Hương**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 301, 301a, 301b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**171.000.000**	**0**		**m2**	**147,2**				**0**	**171.000.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**416.064.000**	**0**							**28.595.000**	**444.659.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
1	Nhà ở 1 tầng không khu phụ	Móng gạch chỉ đặc, tường gạch chỉ 110, mái tôn kẽm mạ màu sườn sắt hộp có vì kèo: S= 8,2*6,5; cao 3,3m											
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, có nắp BTCT, chìm trong nhà: V= 2,0*1,6*1,5*2 bể			VKT.20143	m2	9,60	2.590.106	1,00	100%	24.865.018		BBKK bổ sung số 301b/BB-BQLDA ngày 15/01/2026
	Hố ga	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT, chìm dưới nhà: V= 1,0*1,2*1,2			VKT.20143	m2	1,44	2.590.106	1,00	100%	3.729.753		
III	**Cây cối hoa màu**		**7.420.000**	**0**							**0**	**7.420.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**0**	**0**							**0**	**0**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**594.484.000**	**0**							**28.595.000**	**623.079.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Trịnh Văn Tùng vợ là bà Đặng Thị Việt Hà**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 223, 223a, 223b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**238.449.000**	**0**		**m2**	**156,2**				**0**	**238.449.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**671.099.000**	**0**							**28.171.000**	**699.270.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Nhà ở 1	Móng xây gạch PP, tường xây gạch PP 220, mái lợp proximang sườn gỗ, cao 3,5m S=8,5*3,3											
		Cộng khối lượng cọc tre gia cố móng, cọc dài 3,0m, mật độ 25 cọc/m2: L=8,5*3,3*0,77*25*3	-22.109.844		VKT.30079	m	1.619,89	13.649	1,00	100%	22.109.844		BBKK bổ sung số 223b/BB-BQLDA ngày 18/5/2026
		BBKK bổ sung số 223b/BB-BQLDA ngày 18/5/2026											
	Bể phốt xây chìm dưới nhà	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=1,5*1,3*1,2			VKT.20143	m	2,34	2.590.106	1,00	100%	6.060.848		
III	**Cây cối hoa màu**		**2.300.000**	**0**							**0**	**2.300.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**	**0**							**0**	**41.000.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III)	**952.848.000**	**0**							**28.171.000**	**981.019.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Bà Bùi Thị Hòa**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 275, 275a, 275b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**295.377.000**	**0**	**0**		**m2**	**200,8**				**0**	**295.377.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.177.908.000**	**0**	**0**							**32.415.000**	**1.210.323.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
	Nhà ở	Móng xây gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 220, mái ngói đỏ sườn gỗ có kèo + mái BTCT cao 3,5m												
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110 nắp BTCT xây chìm trong lòng nhà V=2,7*1,5*1,5+2,3*2,0*1,4				VKT.20143	m3	12,52	2.590.106	1,00	100%	32.415.177		BBKK bổ sung số 275b/BB-BQLDA ngày 18/5/2026
III	**Chính sách hỗ trợ**		**47.000.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**53.000.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**47.000.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**53.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***	***0***							***0***	***41.000.000***	
1.2	***Hộ phụ:***		***6.000.000***	***0***	***0***							***6.000.000***	***12.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là Ông Chu Văn Hưng và con gái Chu Tường Vy (con trai và cháu nội bà Hòa)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)												
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)												
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)	6.000.000									0		
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là Bà Chu Thị Minh Trang chồng là Nguyễn Trung Hiếu và con trai Nguyễn Trung Dũng (con gái và con rể bà Hòa)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)												Thông báo xét duyệt TĐC số 917/TB-UBND ngày 29/7/2024
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)												
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)					Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
		Tổng cộng = (I+II+III)	**1.520.285.000**	**0**	**0**							**38.415.000**	**1.558.700.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Trắc Thẳng vợ là bà Lê Hoài Thương**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 259, 259a, 259b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 507/QĐUBND ngày 04/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**137.539.000**	**0**		**m2**	**93,5**				**0**	**137.539.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.115.569.000**	**0**							**60.819.000**	**1.176.388.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
I	Nhà ở chính (không khu phụ)	Móng xây gạch chỉ, giằng BTCT, tường xây gạch chỉ 220, mái ngói đỏ, sườn gỗ có vì kèo + BTCT, cao 4,0m: S mái ngói đỏ=6,5*4,4											
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT, xây chìm dưới nhà vệ sinh + bếp: V1=2,0*1,0*1,2			VKT.20143	m3	2,40	2.590.106	1,00	100%	6.216.254		BBKK bổ sung số 259b/BB-BQLDA ngày 12/5/2026
		V2=2,4*1,2*1,2			VKT.20143	m3	3,46	2.590.106	1,00	100%	8.951.406		
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT, xây chìm dưới nhà vệ sinh: V=2,0*1,2*1,2			VKT.20143	m3	2,88	2.590.106	1,00	100%	7.459.505		
		BBKK bổ sung số 259b/BB-BQLDA ngày 12/5/2026											
		Hệ thống vì kèo gỗ lim											
	Vì kèo gỗ lim	V=4,2*0,15*0,15			VKT.30045	m3	0,09	55.534.943	1,00	100%	5.248.052		
	Xà thượng+ xà hạ gỗ lim	V=6,2*0,2*0,2*2 xà			VKT.30045	m3	0,50	55.534.943	1,00	100%	27.545.332		
	Cột chống gỗ lim	V=1,5*0,18*0,18*2 cột			VKT.30045	m3	0,10	55.534.943	1,00	100%	5.397.996		
III	**Cây cối hoa màu**		**520.000**	**0**							**0**	**520.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**87.602.000**	**0**							**0**	**87.602.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.341.230.000**	**0**							**60.819.000**	**1.402.049.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Trắc Canh vợ là bà Nguyễn Thị Vinh**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 255, 255a, 225b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**254.042.000**	**0**	**0**		**m2**	**279,0**				**0**	**254.042.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.338.504.000**	**0**	**0**							**42.972.000**	**1.381.476.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
1	Nhà ở chính (không khu phụ)	Móng gạch chỉ, không gia cố cọc tre, giằng BTCT,tường gạch chỉ 220, mái bằng BTCT + mái ngói đỏ sườn gỗ S=10,7*4,1 cao 4,8m												
	Mái bằng BTCT	S=4,4*4,1 cao 4,8m												
	Mái ngói đỏ sườn gỗ	S=6,3*4,1												
		Trừ khối lượng cọc tre gia cố móng, cọc dài 3,0m, mật độ 25 cọc/m2: L=-(10,7*4,1)*0,77*25*3,0	-34.579.639			VKT.30079	m	2.533,49	13.649	1,00	100%	34.579.639		BBKK bổ sung số 255b/BB-BQLDA ngày 14/5/2026
2	Nhà ở 2	Móng gạch chỉ, giằng BTCT, tường gạch chỉ 110+ tường gạch chỉ 220, mái thái BTCT, mái tôn proxm + mái bằng BTCT có khu phụ: S=3,3*7,3+1,6*5,2					m2	32,41						
	Bể phốt	Chìm trong lòng NVS, xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=1,8*1,5*1,2				VKT.20143	m3	3,24	2.590.106	1,00	100%	8.391.943		BBKK bổ sung số 255b/BB-BQLDA ngày 14/5/2026
III	**Cây cối hoa màu**		**8.345.000**	**0**	**0**							**0**	**8.345.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**41.000.000**	**0**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***	***0***							***0***	***41.000.000***	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
1.2	***Hộ phụ:***		***0***	***0***	***0***							***6.000.000***	***6.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là bà Bùi Thị Thu Thương và con trai Trần Quốc Cường (con gái và cháu ngoại ông Canh bà Vinh)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)												Thông báo xét duyệt TĐC số 341/TB-UBND ngày 12/5/2025
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)												
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)					Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.641.891.000**	**0**	**0**							**48.972.000**	**1.690.863.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Đào Trọng Tăng vợ là bà Vũ Thị Nhàn**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 277, 277a, 277b, 277c**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
						Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**													
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**349.408.000**	**0**	**0**		**m2**	**286,4**				**0**	**349.408.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**2.185.674.000**	**114.436.000**	**0**							**19.980.000**	**2.320.090.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**													
		BBKK bổ sung số 252a/BB-TTPTQĐ ngày 27/11/2023												
		Trần ốp gỗ lim có khung xương S=7,4*2,7*2		103.896.000		GTT	m2	39,96	2.600.000	1,00	100%	-103.896.000		Điều chỉnh đơn giá
									3.100.000	1,00	100%	123.876.000		
III	**Cây cối hoa màu**		**500.000**	**0**	**0**							**0**	**500.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**47.000.000**	**0**	**0**							**0**	**47.000.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**2.582.582.000**	**114.436.000**	**0**							**19.980.000**	**2.716.998.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**													

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Trắc Điều vợ là bà Nguyễn Thị Hằng**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 207, 207a, 207b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**											
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**292.556.000**		**m2**	**239,8**				**0**	**292.556.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**2.014.212.000**							**13.124.000**	**2.027.336.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**											
1	Nhà ở 1	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 220, mái ngói đỏ sườn gỗ cao 3,5m, có vỉ kèo: S= (6,7*6,0)+(3,5*4,3)										
		Bể phốt trong lòng nhà: V= 1,5*1,8*1,4		VKT.20143	m3	3,78	2.590.106	1,00	100%	9.790.601		BBKK bổ sung số 207b/BB-BQLDA ngày 20/5/2026
	Nhà vệ sinh cũ	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ, mái bê tông, cao 2,0m: S= 1,7*1,6										
		Bể phốt trong nhà vệ sinh, xây gạch chỉ 110 có nắp: V= 1,1*0,9*1,3		VKT.20143	m3	1,29	2.590.106	1,00	100%	3.333.466		BBKK bổ sung số 207b/BB-BQLDA ngày 20/5/2026
III	**Cây cối hoa màu**		**3.632.000**							**0**	**3.632.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**							**0**	**41.000.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**2.351.400.000**							**13.124.000**	**2.364.524.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**											

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Nguyễn Văn Sao vợ là Bùi Thị Vanh**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 174, 174a, 174b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**											
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**286.334.000**		**m2**	**234,7**				**0**	**286.334.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.171.437.000**							**83.848.000**	**1.255.285.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**											
6	Nhà ở 3	Móng gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 220, mái ngói đỏ sườn gỗ, cao 2,9m: S=5,7*5,6	50.925.072							-50.925.072		Điều chỉnh mã hiệu định mức
		Cộng phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 2,5m: V=(5,26+5,6)*2*0,4*0,22	3.508.416							-3.508.416		
		Cộng trát	1.686.462							-1.686.462		
		Cộng phần tường chênh lệch so với tiêu chuẩn 110: V=(5,26+5,6)*2*2,5*0,11	12.044.805							-12.044.805		
	Nhà ở 3	Móng gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 220, mái ngói đỏ sườn gỗ, cao 3,1m: S=5,7*5,6		VKT.10511	m2 sàn XD	31,92	5.664.658	1,00	100%	180.815.883		
		Trừ khối lượng cọc tre gia cố móng: cọc dài 3,0m; mật độ 25 cọc/m2: L=- 5,7*5,6*0,77*25*3		VKT.30079	m	-3638,25	13.649	1,00	100%	-49.658.474		
		Trừ phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m: V=-(5,26+5,6)*2*0,4*0,22		VKT.20010	m3	-1,91	1.835.560	1,00	100%	-3.508.416		
		Trừ trát		VKT.20079	m2	-17,38	97.057	1,00	100%	-1.686.462		
		BBKK bổ sung số 174b/BB-BQLDA ngày 15/5/2026		VKT.20079	m2	13,00	97.057	1,00	100%	1.261.741		
	Nhà ở 1 bổ sung phần tum	Tum xây gạch chỉ 110: V=(3,1+3,6)*2*2,8*0,11-0,6*1,8*0,11-0,5*0,5*0,11		VKT.20008	m3	3,98	2.016.542	1,00	100%	8.027.652		
		Trát XMC: S=(3,1+3,6)*2*2,8*2 mặt-0,6*1,8*2-0,5*0,5*2		VKT.20079	m2	72,38	97.057	1,00	100%	7.024.986		
		Mái bằng BTCT: V=3,3*3,8*0,1		VKT.20024	m3	1,25	4.749.925	1,00	100%	5.956.406		
		Trát XMC: S=3,3*3,8		VKT.20079	m2	12,54	97.057	1,00	100%	1.217.095		
		Phào đơn XMC: L=(3,3+3,8)*2		VKT.20090	md	14,20	83.718	1,00	100%	1.188.796		
		Cửa đi + cửa sổ ván ghép gỗ dẻ: S=0,6*1,8+0,5*0,5		GTT	m2	1,33	1.033.000	1,00	100%	1.373.890		
III	**Cây cối hoa màu**		**2.326.000**							**0**	**2.326.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**							**0**	**41.000.000**	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.501.097.000**							**83.848.000**	**1.584.945.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**											

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Trắc Trào vợ là bà Đặng Thị Hồng**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 60, 60a, 60b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**302.888.000**	**0**		**m2**	**308,6**				**0**	**302.888.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.205.071.000**	**0**							**44.270.000**	**1.249.341.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Nhà ở chính	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 220, mái ngói sườn gỗ có vì kèo + mái bằng BTCT, cao 3,8m											
		S=8,9*5,2				m2	46,28						
		Trừ phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m: V=-(5,0+6,0+3,1+7,0)*2*0,1*0,15	-691.608								691.608		
		Trừ trát tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m	-819.161								819.161		
		Cộng phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m: V=(5,98+5,6+4,16+3,2)*2*0,3*0,22			VKT.20009	m3	2,50	2.130.766	1,00	100%	5.327.085		
		Cộng trát tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m			VKT.20079	m2	22,73	97.057	1,00	100%	2.205.911		
	Bán mái trước nhà + nhà tắm	Tôn KL lạnh sườn sắt có vì kèo: S=6,0*4,0+2,9*2,6	10.742.902		VKT.20172	m2	31,54	340.612	1,00	100%	-10.742.902		Bổ sung BBKK số 60b/BB-BQLDA ngày 13/5/2026
					VKT.20179			841.590			26.543.749		
		BBKK bổ sung số 60b/BB-BQLDA ngày 13/5/2026											
	Bể phốt	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT, xây chìm dưới bếp: V=2,0*2,5*1,5			VKT.20143	m3	7,50	2.590.106	1,00	100%	19.425.795		
III	**Cây cối hoa màu**		**9.350.000**	**0**							**0**	**9.350.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**91.640.000**	**0**							**6.000.000**	**97.640.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**41.000.000**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***							***0***	***0***	
1.2	***Hộ phụ:***		***0***	***0***							***6.000.000***	***6.000.000***	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là ông Bùi Tân Truyền vợ là Nguyễn Thị Duyên (con trai và con dâu ông Trào bà Hồng)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)											Thông báo xét duyệt TĐC số 1192/TB-UBND ngày 06/11/2024
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)											
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)				Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
2	**Hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp**		**50.640.000**	**0**							**0**	**50.640.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.608.949.000**	**0**							**50.270.000**	**1.659.219.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Trắc Sơn vợ là bà Trần Thị Chấm**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 183, 183a, 183b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**341.566.000**	**0**		**m2**	**232,2**				**0**	**341.566.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.803.421.000**	**0**							**100.606.000**	**1.904.027.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Nhà ở	Móng gia cố cọc tre, móng băng BTCT, tường gạch chỉ 220, mái BTCT, mái chống nóng sườn sắt có kèo, cao 3,9m				m2	42,93						Điều chỉnh mã hiệu định mức
		S1=3,3*6,9	125.818.458								-125.818.458		
		S2=6,3*3,2	111.396.580								-111.396.580		
		Cộng khối lượng cọc tre gia cố móng: cọc dài 3,0 m; mật độ 25 cọc/m2: L=((3,3*6,9)+(6,3*3,2))*0,77*25*3	-33.838.703								33.838.703		
		Cộng phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m: V=(3,3+6,46+5,86+3,2)*2*0,4*0,22	6.079.962								-6.079.962		
		Cộng phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m	2.922.580								-2.922.580		
	Nhà ở	Móng gia cố cọc tre, móng băng BTCT, tường gạch chỉ 220,khung BTCT, mái BTCT, mái chống nóng sườn sắt có kèo, cao 3,9m				m2	42,93						
		S1=3,3*6,9			VKT.10601	m2 sàn XD	22,77	6.887.185	1,00	100%	156.821.202		
		S2=6,3*3,2			VKT.10601	m2 sàn XD	20,16	6.887.185	1,00	100%	138.845.650		
		Trừ phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 4,5m: V=-(3,3+6,46+5,86+3,2)*2*0,6*0,22			VKT.20010	m3	-4,97	1.835.560	1,00	100%	-9.119.943		
		Trừ phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 4,5m			VKT.20079	m2	-45,17	97.057	1,00	100%	-4.383.871		
		BBKK bổ sung số 183b/BQLDA ngày 15/5/2026											
	Bể nước xây chìm dưới nhà ở	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=3,5*2,0*1,7			VKT.20143	m3	11,90	2.590.106	1,00	100%	30.822.261		
III	**Cây cối hoa màu**		**7.850.000**	**0**							**0**	**7.850.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**	**0**							**0**	**41.000.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**2.193.837.000**	**0**							**100.606.000**	**2.294.443.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Nguyễn Văn Dung vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc Linh**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 144, 144a, 144b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**											
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**551.625.000**		**m2**	**399,8**				**0**	**551.625.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**2.383.451.000**							**93.017.000**	**2.476.468.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**											
	Nhà ở chính	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 220, mái ngói đỏ sườn gỗ, cao 3,8m S=6,5*8,3										
		Trừ phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m: V=(6,5+7,86)*2*0,22*0,3	-3.479.341							3.479.341		
		Trừ trát tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m	-1.672.486							1.672.486		
		Cộng phần tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m: V=(6,5+7,86)*2*0,22*0,3		VKT.20010	m3	1,90	1.835.560	1,00	100%	3.479.341		
		Cộng trát tường chênh lệch so với chiều cao tiêu chuẩn 3,5m		VKT.20079	m2	17,23	97.057	1,00	100%	1.672.486		
	Nhà 1	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 110, mái tôn kim loại sườn sắt không vì kèo cao 3,6m S=6,7*4,4										
	Cửa lách	Pano gỗ lim đặc S=0,8*2,1	5.625.000	VKT.30020	m2	1,25	4.500.000	1,00	100%	-5.625.000		Điều chỉnh khối lượng do nhập sai
						1,68				7.560.000		
		Khuôn cửa đơn gỗ lim L=6,2m	3.627.000	VKT.30030	md	6,20	585.000	1,00	100%	-3.627.000		Điều chỉnh do sai mã hiệu định mức
				VKT.30029	md		1.350.000			8.370.000		
		Ốp gạch LD 25x40 S=(4,3*1,6)+(4,8*1,9)		VKT.20070	m2	16,00	316.290	1,00	100%	5.060.640		Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 chưa tính toán
	Ốp đá thẻ tự nhiên ngoài nhà 2	S=7,6*2,2-(0,8*2,2)*2 cửa	4.172.560	VKT.20062	m2	13,20	316.103	1,00	100%	-4.172.560		Điều chỉnh quy cách tại BBRS số 144b/BB-BQLDA ngày 19/5/2026
				VKT.20060	m2		647.064			8.541.245		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
	Nhà 3	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 110, mái tôn kim loại sườn sắt, cao 3,2m S=8,2*3,9	152.858.612	VKT.10522	m2 sàn XD	31,98	4.779.819	1,00	100%			
	Ốp mặt ngoài	Đá thẻ tự nhiên S=(8,2+3,9)*3,2-(1,3*2,2)-(0,9*1,4)-(0,9*2,2)	10.311.280	VKT.20062	m2	32,62	316.103	1,00	100%	-10.311.280		Điều chỉnh quy cách tại BBRS số 144b/BB-BQLDA ngày 19/5/2026
				VKT.20060	m2		647.064			21.107.228		
	Bể nước	Xây gạch chỉ 220, có nắp: V=2,1*3,4*1,3 (phần nổi)										
	Mặt thành bể	Ốp đá thẻ tự nhiên S=2,1*1,0	663.816	VKT.20062	m2	2,10	316.103	1,00	100%	-663.816		Điều chỉnh quy cách tại BBRS số 144b/BB-BQLDA ngày 19/5/2026
				VKT.20060	m2		647.064			1.358.834		
	Nhà bếp+nhà vệ sinh+nhà tắm	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 110, mái tôn kim loại sườn sắt, cao 2,7m: S=4,2*3,2										
	Ốp tường mặt ngoài	Đá thẻ tự nhiên S=(3,0+4,1)*2,7-(0,8*2,2)	5.503.353	VKT.20062	m2	17,41	316.103	1,00	100%	-5.503.353		Điều chỉnh quy cách tại BBRS số 144b/BB-BQLDA ngày 19/5/2026
				VKT.20060	m2		647.064			11.265.384		
	Nhà kho	Tường xây gạch chỉ 110, mái tôn kim loại sườn sắt, cao 1,8m S=3,7*2,6										
	Ốp tường	Đá thẻ tự nhiên trong nhà S=7,5*1,7	4.030.313	VKT.20062	md	12,75	316.103	1,00	100%	-4.030.313		Điều chỉnh quy cách tại BBRS số 144b/BB-BQLDA ngày 19/5/2026
				VKT.20060	md		647.064			8.250.066		
	Ốp mặt ngoài tường	Đá thẻ tự nhiên S=2,3*1,7	1.235.963	VKT.20062	md	3,91	316.103	1,00	100%	-1.235.963		
				VKT.20060	md		647.064			2.530.020		
	Tường bao	Xây gạch chỉ 110, có bổ trụ, có trát S=23,1*2,0										Điều chỉnh quy cách tại BBRS số 144b/BB-BQLDA ngày 19/5/2026
		Trừ trát, S=-23,1*2,0*2 mặt	-8.968.067	VKT.20079	m2	-92,40	97.057	1,00	100%	8.968.067		
		Ốp đá thẻ tự nhiên S=23,1*2,0	14.603.959	VKT.20062	m2	46,20	316.103	1,00	100%	-14.603.959		
				VKT.20060	m2		647.064			29.894.357		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
	Bể phốt	Sân trước cửa nhà chính xây gạch chỉ 110,có nắp: V=1,5*1,4*1,2*3 bể		VKT.20143	m3	7,56	2.590.106	1,00	100%	19.581.201		Điều chỉnh quy cách tại BBRS số 144b/BB-BQLDA ngày 19/5/2026
2	**Hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản**											
	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản	Khoản 1, Điều 20, QĐ 24/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022: Đối với hộ gia đình, cá nhân: Đối với trường hợp di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố, bồi thường 5.000.000 đồng/chủ sử dụng	5.000.000									
III	**Cây cối hoa màu**		**1.590.000**							**0**	**1.590.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**							**0**	**41.000.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**2.977.666.000**							**93.017.000**	**3.070.683.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**											

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Hà Quang Triều vợ là bà Đỗ Thị Thủy**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 194, 194a, 194b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 8/4/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**124.400.000**	**0**		**m2**	**215,0**				**0**	**124.400.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.393.675.000**	**0**							**24.007.000**	**1.417.682.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
III	Nhà bếp, nhà tắm + nhà vệ sinh	Móng gạch chỉ, tường gạch chỉ 110, mái bằng BTCT, cao 2,8m: S=5,9*2,7											
	Bể phốt dưới nhà tắm	Xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=2,5*1,6*1,5(3 ngăn)			VKT.20143	m3	6,00	2.590.106	1,00	100%	15.540.636		BBKK bổ sung số 194b/BB-BQLDA ngày 12/5/2026
		BBKK bổ sung số 194a/BB-TTPTQĐ ngày 19/02/2024											
	Tường nhà 1	Ốp gạch LD 30x60: S=(2,8+4,0)*2*2,8-1,3*1,6-1,0*1,5-0,9*1,4	6.594.018		VKT.20071	m2	33,24	198.376	1,00	100%	-6.594.018		Điều chỉnh do sai mã hiệu định mức
					VKT.20071	m2		396.752			13.188.036		
		Ốp gạch LD 40x90 chân tường: S=(2,8+4,0)*2*0,9-1,3*0,9	1.872.153		VKT.20072	m2	11,07	169.120	1,00	100%	-1.872.153		
					VKT.20072	m2		338.239			3.744.306		
III	**Chính sách hỗ trợ**		**110.340.000**	**0**							**0**	**110.340.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III)	**1.628.415.000**	**0**							**24.007.000**	**1.652.422.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Văn Hùng vợ là bà Trần Thị Cháp**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 320, 320a, 320b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 8/4/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**321.708.000**	**0**		**m2**	**218,7**				**0**	**321.708.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.419.402.000**	**0**							**71.852.000**	**1.491.254.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
		BBKK bổ sung số 320b/BB-BQLDA ngày 11/5/2026											
		Hệ thống vì kèo nhà ở chính gỗ lim											
		Xà thượng + xà hạ gỗ lim: V=0,16*0,15*7,0*2 xà			VKT.30045	m3	0,34	55.534.943	1,00	100%	18.659.741		
		Kèo gỗ lim: V=5,0*0,2*0,2			VKT.30045	m3	0,20	55.534.943	1,00	100%	11.106.989		
		Trụ chốn gỗ lim: V=2,5*0,15*0,15*2			VKT.30045	m3	0,11	55.534.943	1,00	100%	6.247.681		
		Vì gỗ lim: V=2,0*0,15*0,15*2			VKT.30045	m3	0,09	55.534.943	1,00	100%	4.998.145		
	Bể phốt	Xây chìm xây gạch chỉ 110, nắp BTCT: V=1,7*1,5*1,3			VKT.20143	m3	3,32	2.590.106	1,00	100%	8.586.201		
		V2=1,5*1,0*1,2			VKT.20143	m3	1,80	2.590.106	1,00	100%	4.662.191		
	Chân tường	Ốp gạch LD 40x90: S=(4,6+6,1)*2*0,6			VKT.20072	m2	12,84	338.239	1,00	100%	4.342.989		
III	**Cây cối hoa màu**		**2.448.000**	**0**							**0**	**2.448.000**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**41.000.000**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***							***0***	***0***	
1.2	***Hộ phụ:***		***0***	***0***							***6.000.000***	***6.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là ông Bùi Hồng Việt vợ là Hoàng Ngọc Lệ (con trai và con dâu ông Hùng, bà Cháp)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)											Thông báo xét duyệt TĐC số 1192/TB-UBND ngày 06/11/2024
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)											
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)				Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**1.784.558.000**	**0**							**77.852.000**	**1.862.410.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Đỗ Văn Đỡ vợ là bà Phạm Thị Thúy**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 116, 116a, 116b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 8/4/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**218.502.000**	**0**		**m2**	**179,1**				**0**	**218.502.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.176.726.000**	**0**							**127.997.000**	**1.304.723.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Nhà ở 1	Móng gạch chỉ tường xây gạch chỉ 110, mái ngói đỏ sườn gỗ có vì kèo bằng gỗ lim cao 2,6m S=10,2*5,0	81.365.247								-81.365.247		BBKK bổ sung số 116b/BB-BQLDA ngày 11/5/2026
		Móng gạch chỉ tường xây gạch chỉ 110, mái ngói đỏ sườn gỗ có vì kèo bằng gỗ lim cao 3,1m S=10,2*5,0			VKT.10521	m2 sàn XD	51,00	5.187.642	1,00	100%	264.569.742		
		Trừ phần tường chênh lệch so với tiêu chuẩn 3,5m: V=-(9,98+5,0)*2*0,4*0,11			VKT.20008	m3	-1,32	2.016.542	1,00	100%	-2.658.286		
		Trừ trát			VKT.20077	m2	-23,97	515.262	1,00	100%	-12.349.800		
		Trừ khối lượng cọc tre gia cố móng: cọc dài 3,0m; mật độ 25 cọc/m2: L=-10,2*5,0*0,77*25*3,0			VKT.30079	m2	-2.945,25	13.649	1,00	100%	-40.199.717		
III	**Chính sách hỗ trợ**		**41.000.000**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1	**Hỗ trợ tái định cư**		**41.000.000**	**0**							**6.000.000**	**47.000.000**	
1.1	***Hộ chính:***		***41.000.000***	***0***							***0***	***0***	
1.2	***Hộ phụ:***		***0***	***0***							***6.000.000***	***6.000.000***	
	Phương án hỗ trợ TĐC cho hộ phụ là Ông Đỗ Văn Đỡ vợ là Phạm Thị Thúy (con trai và con dâu ông Đỡ, bà Thúy)	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi thành phố (Khoản 2, Điều 27, QĐ 24)											Thông báo xét duyệt TĐC số 1192/TB-UBND ngày 06/11/2024
		Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (Khoản 3, Điều 27, QĐ 24)											
		Hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư (Khoản 4, Điều 27, QĐ 24)				Hộ	1	6.000.000	1	100%	6.000.000		
		Tổng cộng = (I+II+III)	**1.436.228.000**	**0**							**133.997.000**	**1.570.225.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Bùi Trắc Tuệ**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 338, 338a, 338b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**404.525.000**	**0**		**m2**	**275,0**				**0**	**404.525.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.911.732.000**	**0**							**93.125.000**	**2.004.857.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Nhà ở 1 không khu phụ	Móng gạch PP, ko gia cố cọc tre tường xây gạch PP 150 mái tôn xi măng sườn gỗ cao 3,1 m, nhà ở 2 mái S=6,0*6,0											
	Bể phốt	Chìm trong lòng nhà xây gạch chỉ 110 nắp BTCT V=2,0*2,5*1,5			VKT.20143	m3	7,50	2.590.106	1,00	100%	19.425.795		BBKK bổ sung số 338b/BB-BQLDA ngày 11/5/2026
	Nhà	Móng gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 220+110 mái tôn kim loại lạnh sườn sắt vì kèo sắt cao 3,9 m S=11,0*8,5				m2	93,50						
		Có cọc tre gia cố móng: cọc dài 3,0 m; mật độ 25 cọc/m2: L=(S)*0,77*25*3	-73.699.482		VKT.30079	m	5.399,63	13.649	1,00	100%	73.699.482		BBKK bổ sung số 338b/BB-BQLDA ngày 11/5/2026
III	**Cây cối hoa màu**		**6.450.000**	**0**							**0**	**6.450.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III)	**2.322.707.000**	**0**							**93.125.000**	**2.415.832.000**	
C	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Bà Bùi Thị Vượng**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 182, 182a, 182b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**142.393.000**	**0**		**m2**	**96,8**				**0**	**142.393.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.172.466.000**	**0**							**153.436.000**	**1.325.902.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
1	Nhà ở (có khu phụ)	Móng gạch chỉ, giằng BTCT, tường chịu lực gạch chỉ 220, mái ngói đỏ, sườn gỗ, cao 3,6m: S=11,5*4,2											
	Trần	Ốp gỗ lim: S=3,8*11,0	108.680.000		GTT	m2	41,80	2.600.000	1,00	100%	-108.680.000		
					GTT	m2	41,80	3.100.000	1,00	100%	129.580.000		
3	Nhà ở 2	Móng gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 110, mái tôn KL sườn sắt, cao 3,5m: S=2,5*3,9	15.422.862								-15.422.862		
		Trừ mái tôn proxm sườn gỗ	-2.304.861								2.304.861		
		Cộng mái tôn KL sườn sắt	3.320.967								-3.320.967		
		Cộng xây chênh cao so chuẩn 3,5 m V=(2,28+3,9)*2*1,0*0,11	2.495.627								-2.495.627		
		Cộng trát 2 mặt	2.399.249								-2.399.249		
		Móng gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 110, mái tôn KL sườn sắt, cao 3,5m: S=2,5*3,9			VKT.10522	m2 sàn XD	9,75	4.779.819	1,00	100%	46.603.235		
		Trừ khối lượng cọc tre gia cố móng: cọc dài 3,0m; mật độ 25 cọc/m2: L=-2,5*3,9*0,77*25*3			VKT.30079	m	-563,063	13.649	1,00	100%	-7.685.240		
		BBKK bổ sung số 182b/BB-BQLDA ngày 20/5/2026											
	Bể nước	Xây chìm dưới nhà ở xây gạch chỉ 220, nắp BTCT: V=4,0*2,5*1,6			VKT.20147	m3	16,00	2.776.061	1,00	100%	44.416.976		
		Xà thượng gỗ lim: V=2,5*0,22*0,15			VKT.30045	m3	0,08	55.534.943	1,00	100%	4.581.633		
		Xà vượt gỗ lim: V=0,18*0,14*11,0*3			VKT.30045	m3	0,83	55.534.943	1,00	100%	46.182.859		
		Kèo gỗ lim: V=4,0*0,22*0,2			VKT.30045	m3	0,18	55.534.943	1,00	100%	9.774.150		
		Ttuj trốn gỗ lim: V= 0,15*0,15*1,5*2			VKT.30045	m3	0,07	55.534.943	1,00	100%	3.748.609		
III	**Chính sách hỗ trợ**		**88.747.000**	**0**							**0**	**88.747.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III)	**1.403.606.000**	**0**							**153.436.000**	**1.557.042.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

Điều chỉnh mã hiệu định mức

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Bà Hoàng Thị Nức - đại diện thừa kế của ông Bùi Trắc Đô (đã chết)**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 384, 384a, 384b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**355.982.000**	**0**		**m2**	**406,6**				**0**	**355.982.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**1.972.434.000**	**0**							**81.735.000**	**2.054.169.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Nhà chính 1	Móng giằng BTCT tường xây gạch chỉ 220 mái ngói đỏ sườn gỗ cao 3,8 m S=7,2*6,5	265.105.994										
		Trừ khối lượng cọc tre gia cố móng: cọc dài 3,0 m; mật độ 25 cọc/m2: L=-7,2*6,5*0,77*25*3	-36.889.152		VKT.30079	m	-2.702,70	13.649	1,00	100%	36.889.152		
	Nhà 2	Móng giằng BTCT tường xây gạch chỉ 220 mái bằng BTCT cao 3,6 m S=11,5*4,6	292.305.510										
		Trừ khối lượng cọc tre gia cố móng: cọc dài 3,0 m; mật độ 25 cọc/m2: L=-11,5*4,6*0,77*25*3	-41.697.354		VKT.30079	m	-3.054,98	13.649	1,00	100%	41.697.354		
	Xà	BTCT V=1,9*0,2*0,2*2			VKT.20026	m3	0,15	7.273.431	1,00	100%	1.105.562		
		Bịt tôn KL sườn sắt S=0,4*0,8*2			VKT.20115	m2	0,64	340.612	1,00	100%	217.992		
		Khung sắt hộp 1x3*0,05*8 thanh											Tính trong sườn sắt
		BBKK bổ sung số 384b/BB-TTPTQĐ ngày 20/5/2026											
	Nhà 2	Mái thái BTCT: V=1,5*0,7*0,1*2 bên			VKT.20028	m3	0,21	5.247.326	1,00	100%	1.101.938		
		Trát XMC V=1,5*0,7*2*2 bên			VKT.20079	m2	4,20	97.057	1,00	100%	407.639		
		Phào kép: L=1,5*2 bên			VKT.20091	md	3,00	104.993	1,00	100%	314.979		
III	**Cây cối hoa màu**		**0**	**0**							**5.392.000**	**5.392.000**	
	Chậu hoa	D40			QĐ số 1133	Chậu	10,00	20.000	1,00	100%	200.000		Phụ lục VKT số 16
	Hồng xiêm quả	ĐK tán= 4,5m			QĐ số 1133	Cây	2,00	435.000	1,00	100%	870.000		BB rà soát
	Xoài	D15			QĐ số 1133	Cây	2,00	498.000	1,00	100%	996.000		
	Đu đủ	D15			QĐ số 1133	Cây	3,00	622.000	1,00	100%	1.866.000		
	Đinh lăng	H=60cm			QĐ số 1133	Cây	12,00	70.000	1,00	100%	840.000		
	Na	D5			QĐ số 1133	m2	5,00	124.000	1,00	100%	620.000		
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**53.000.000**	**0**							**0**	**53.000.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	**2.381.416.000**	**0**							**87.127.000**	**2.468.543.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

Họ và tên **Ông Nguyễn Văn Tình vợ là Nguyễn Thị Phương**

Địa chỉ: **Thôn Văn Phong, đặc khu Cát Hải** **Số BB: 372, 372a, 372b**

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 4/7/2024 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
					Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
A	**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**												
I	**Đất**	**Tổng diện tích đất thu hồi:**	**167.694.000**	**0**		**m2**	**139,7**				**0**	**167.694.000**	
II	**Vật kiến trúc**		**614.559.000**	**0**							**13.417.000**	**627.976.000**	
1	**Bồi thường tài sản, vật kiến trúc**												
	Nhà vệ sinh	Móng xây gạch chỉ, tường xây gạch chỉ 110 mái bằng BTCT cao 2,3 m S=2,8*1,7	11.389.266										
	Bể phốt trong nhà	Xây gạch chỉ 110 nắp BTCT V=1,8*1,0*1,1+2,0*1,6*1,0			VKT.20143	m2	5,18	2.590.106	1,00	100%	13.416.749		BBKK bổ sung số 372b/BB-TTPTQĐ ngày 19/01/2026
III	**Cây cối hoa màu**		**0**	**0**							**0**	**0**	
IV	**Chính sách hỗ trợ**		**57.446.000**	**0**							**0**	**57.446.000**	
		Tổng cộng = (I+II+III)	**839.699.000**	**0**							**13.417.000**	**853.116.000**	
B	**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**												